TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2023
V/v tranh chấp về ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Phụng.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Đặng Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 135/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 về việc tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Bùi Thị L**, sinh năm 1988;

Nơi ĐKHKTT: đường L, tổ x, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh **Trương Minh C**, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: đường L, tổ x, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày***: Chị và anh Trương Minh C tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký ngày 21/01/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh C ở đường L, tổ x, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình đến tháng 7 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không chịu đi làm, bỏ việc nhiều lần ở nhà chơi điện tử. Chị khuyên ngăn thì anh C không nghe mà còn chửi mắng chị. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay không ai quan tâm đến ai, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa nên, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Trương Minh C.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trương Minh V, sinh ngày 15/09/2015. Ly hôn, chị L xin được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Vì thời gian vừa qua con ở với anh C, anh C không biết cách chăm sóc con mà chỉ để ông bà chăm sóc, bà nội cháu hiện nay tuổi đã cao bệnh tiểu đường tuýp ba, chân tay đau nên là việc chăm sóc cháu gặp nhiều khó khăn. Anh C từ hơn một năm nay đã không đi làm, không có thu nhập, con chung lại là con gái cần sự dạy dỗ nhiều từ người mẹ, nguyện vọng của cháu muốn được ở cùng mẹ. Chị có sức khỏe, chịu khó làm ăn, chị có việc làm và thu nhập ổn định, chị có mẹ để còn khỏe, mẹ chị sẽ giúp chị trông nom chăm sóc con tốt hơn. Nên chị xin được trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Trương Minh C trình bày:*** Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị L trình bày là đúng nhưng nguyên nhân mâu thuẫn chị L trình bày là không đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh C hòa thuận đến nay thì xảy ra mâu thuẫn do chị L luôn nghĩ anh hay bỏ việc, ham chơi điện tử, thường xuyên chửi bới, cũng có nhiều lý do khác nhưng anh không tiện nói ra. Đến nay, anh cũng xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nhưng giữa chị L với anh còn khúc mắc nhau nên anh không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Trương Minh V, sinh ngày 15/9/2015. Anh C trình bày xin được trực tiếp nuôi con V, yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Thời gian chị L đi xuất khẩu lao động con V được bố mẹ anh C chăm sóc rất cẩn thận chu đáo. Đến nay anh tôn trọng

nguyện vọng của con V nên đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con V . Nếu con V chọn ở với mẹ thì anh cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hiện nay anh đang thất nghiệp.

Về tài sản chung: vợ chồng có tài sản chung nhưng do chị L là người nắm giữ tài sản không trả cho anh nên anh chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Vợ chồng không vay nợ chung ai tài sản gì, không có tài sản gì chung cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị C - mẹ đẻ của anh Trương Minh C ngày 30 tháng 8 năm 2023 thể hiện:*** Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng vợ chồng bà và vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến cách đây hai tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà nhận thông tin của hai vợ chồng nhưng lại không trao đổi lại cho hai anh chị nên dẫn đến hiểu lầm nhau. Đến nay chị L có đơn xin ly hôn, bà chỉ mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ lại với nhau để cùng nhau nuôi dạy con cái. Về con chung: Từ nhỏ đến nay là cháu V ở cùng bà, do bà chăm sóc nuôi dưỡng nên nếu anh C, chị L ly hôn bà sẽ bằng mọi giá để nuôi cháu V. Chị L đi lao động tại Nhật Bản từ tháng 7 năm 2019 đến nay thì một mình bà chăm sóc cháu V, bà không thể xa cháu được nên bà đề nghị Tòa án giao cháu V cho anh C nuôi dưỡng. Bà sẽ phụ giúp anh C trong việc nuôi cháu. Về tài sản chung: anh C và chị L không có tài sản chung là đất đai, nhà cửa. Vợ chồng cũng không có C sức đóng góp gì vào tài sản gia đình bà. Vợ chồng cũng không nợ chung ai.

*****Tại biên bản lấy lời khai của bà Phan Thị Đ là mẹ đẻ của chị Bùi Thị L ngày 30 tháng 8 năm 2023 thể hiện:*** Vợ chồng chị L, anh C mâu thuẫn từ tháng 7/2022. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không chịu đi làm ở nhà chơi điện tử. Bà khuyên ngăn, hòa giải cho vợ chồng nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ được. Từ tháng 7 năm 2023 đến nay chị L đưa con về nhà bà ở. Đến nay chị L có đơn ly hôn đề nghị Tòa án hòa giải cho hai anh chị, nếu không thành Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của hai anh chị. Từ khi cháu V về nhà bà ở, cháu vui vẻ hoạt bát hẳn lên. Chị L có việc làm và thu nhập ổn định có đủ sức khỏe, có bà phụ giúp trong việc nuôi con, chăm sóc cháu V, bà có nhà để mẹ con chị L ở. Nếu để cháu Vy ở với chị L điều kiện của cháu sẽ tốt hơn nên bà đề nghị Tòa án giao cháu V cho chị L nuôi dưỡng. Bà sẽ phụ giúp chị L trong việc nuôi cháu. Về tài sản chung: anh C và chị L không có tài sản chung là đất đai, nhà cửa. Vợ chồng cũng không có C sức đóng góp gì vào tài sản gia đình bà. Vợ chồng cũng không nợ chung ai.

*** Cháu Trương Minh V có ý kiến:** Nếu bố mẹ cháu phải ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị L được ly hôn anh C. Về con chung: Ly hôn, giao cho chị L được trực tiếp nuôi cháu Trương Minh V, sinh ngày 15/9/2015 và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 10 năm 2023 đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Án phí: Buộc chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh C phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con chung do đó xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã cắt đứt mọi quan hệ từ tháng 7 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Cả anh C và chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy hôn nhân giữa chị L, anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị L được ly hôn anh C.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh C đều trình bày: vợ chồng có 01 con chung là Trương Minh V, sinh ngày 15/9/2015. Cháu V có nguyện vọng ở với mẹ. Hiện nay, cháu V đang ở với chị L, đã ổn định việc sinh hoạt, học tập. Chị L có việc làm và thu nhập nên cần giải quyết theo nguyện vọng của cháu V, giao cho chị L trực tiếp nuôi cháu V và buộc anh C cấp dưỡng nuôi con cho chị L 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10 năm 2023 đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị L, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5]Về án phí sơ thẩm: Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Anh C phải nộp án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Trương Minh C.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trương Minh V, sinh ngày 15/9/2015. Buộc anh C cấp dưỡng nuôi con V cho chị L 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng/tháng) kể từ tháng 10 năm 2023 đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Anh Trương Minh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh Trương Minh C, chị Bùi Thị L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001552 ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; chị Bùi

Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trương Minh C phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị L và anh Trương Minh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 20/9/2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Uỷ ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: xx ngày 21/01/2014)
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương